

**UBND QUẬN LONG BIÊN**  
**TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**I. Mục đích yêu cầu:**

**1. Kiến thức :** Thông qua bài kiểm tra đánh giá được mức độ nắm kiến thức của học sinh:

- Nhận biết ánh sáng – Nguồn sáng và vật sáng.
- Sự truyền ánh sáng. Ứng dụng định luật truyền thẳng của ánh sáng.
- Định luật phản xạ ánh sáng.
- Ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng.
- Gương cầu lồi, gương cầu lõm.
- Nguồn âm. Độ cao, độ to của âm.
- Môi trường truyền âm.
- Phản xạ âm – Tiếng vang.

**2. Kỹ năng:**

- Vận dụng kiến thức trên vào làm các bài tập.

**3. Phẩm chất**

- Giáo dục thái độ nghiêm túc khi làm bài
- Yêu thích môn học

**4. Định hướng phát triển năng lực**

- Năng lực chung: tự học, tư duy sáng tạo
- Năng lực chuyên biệt: năng lực tính toán vật lí, vận dụng kiến thức vật lí vào đời sống.

**II. Hình thức kiểm tra: Trắc tuyến**

Đề kiểm tra câu hỏi trắc nghiệm khách quan ( 30 câu - 10 điểm )

Đảm bảo nội dung kiểm tra về kiến thức và kỹ năng.

**III. Ma trận đề kiểm tra:**

STT	STT câu	Tên chủ đề (nội dung, chương)	Phạm vi kiến thức	Cấp độ nhận biết			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
1	Câu 1	<b>Chương 1 : Quang học</b>	Nhận biết ánh sáng. Nguồn sáng. Vật sáng.	1			
2	Câu 2				1		
3	Câu 3			1			
4	Câu 4		Sự truyền ánh sáng và ứng dụng định luật truyền thẳng của ánh sáng.	1			
5	Câu 5			1			
6	Câu 6				1		
7	Câu 7		Định luật phản xạ ánh sáng.		1		
8	Câu 8		Ảnh tạo bởi gương phẳng, gương cầu lồi, gương cầu			1	
9	Câu 9				1		

10	Câu 10	<b>Chương 2: Âm học</b>	lỗm.			1	
11	Câu 11					1	
12	Câu 12				1		
13	Câu 13		Nguồn âm		1		
14	Câu 14			1			
15	Câu 15			1			
16	Câu 16			1			
17	Câu 17		Độ cao của âm	1			
18	Câu 18				1		
19	Câu 19					1	
20	Câu 20		Độ to của âm		1		
21	Câu 21			1			
22	Câu 22				1		
23	Câu 23		Môi trường truyền âm				1
24	Câu 24						1
25	Câu 25					1	
26	Câu 26			1			
27	Câu 27		Phản xạ âm – Tiếng vang	1			
28	Câu 28			1			
29	Câu 29					1	
30	Câu 30					1	
<b>Tổng số câu</b>				12	9	6	3
<b>Tỉ lệ %</b>				40	30	20	10
<b>Tổng số điểm</b>				4	3	2	1

ĐỀ 1

CHỌN PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI ĐÚNG NHẤT

Câu 1. Vật nào sau đây là nguồn sáng?

- A . Quyển sách.    B . Mặt trời.    C . Bóng đèn bị đứt dây tóc.    D . Mặt trăng.

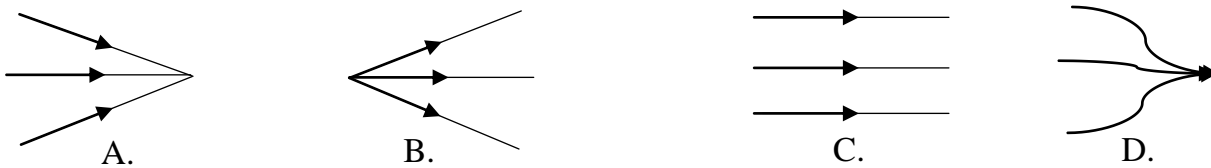
Câu 2. Vì sao ta nhìn thấy một vật?

- A. Vì ta mở mắt hướng về phía vật.  
B. Vì mắt ta phát ra các tia sáng chiếu lên vật.  
C. Vì có ánh sáng từ vật truyền vào mắt ta .  
D. Vì vật được chiếu sáng.

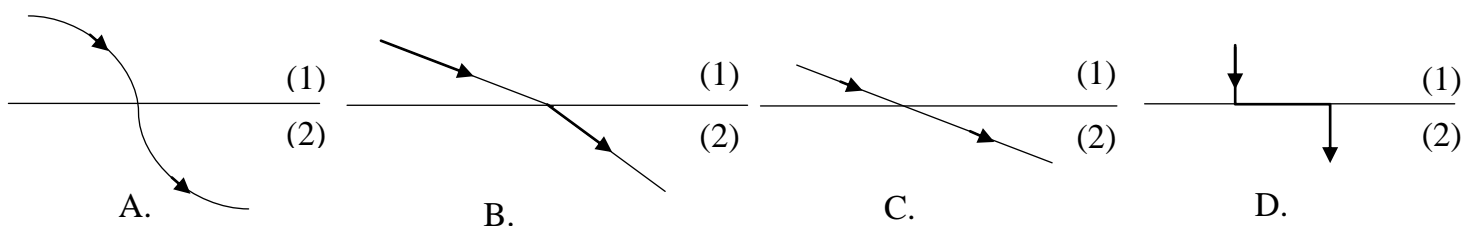
Câu 3. Trường hợp nào dưới đây ta **không nhận biết** được một miếng bìa màu đen?

- A. Dán miếng bìa đen lên một tờ giấy xanh rồi đặt dưới ánh đèn điện.  
B. Dán miếng bìa đen lên trên một tờ giấy trắng rồi đặt trong phòng tối.  
C. Đặt miếng bìa đen trước một ngọn nến đang cháy.  
D. Đặt miếng bìa đen ngoài trời nắng.

Câu 4. Chùm sáng nào sau đây là chùm sáng hội tụ?



Câu 5. Hình nào vẽ đúng đường truyền của ánh sáng từ không khí (1) vào nước (2)?



Câu 6. Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng nhật thực?

- A. Mặt Trời ngừng phát ra ánh sáng.  
B. Mặt Trời bỗng nhiên biến mất.  
C. Mặt Trời bị Mặt Trăng che khuất nên ánh sáng Mặt Trời không đến được mặt đất.  
D. Người quan sát đứng ở nửa sau Trái Đất, không được Mặt Trời chiếu sáng.

Câu 7. Tia phản xạ nằm trong cùng mặt phẳng với ... và ... của gương tại điểm tới.

- A. tia tới, tia thẳng đứng    C. đường thẳng, tia tới  
B. tia tới, đường pháp tuyến                                        D. tia thẳng đứng, tia tới

Câu 8. Ở những chỗ đường gấp khúc có vật cản che khuất, người ta thường đặt một gương cầu lồi lớn. Gương đó giúp gì cho người lái xe?

- A. Giúp cho người bên kia đường thấy và tránh xe.  
B. Giúp cho tài xế ngồi trên xe quan sát các cảnh xung quanh dễ dàng hơn.

C. Người lái xe nhìn thấy các xe cộ xung quanh.

D. Người lái xe nhìn thấy trong gương cầu lồi xe cộ và người bị các vật cản ở bên kia đường che khuất tránh được tai nạn.

**Câu 9.** Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi có tính chất sau

A. ảnh thật, có độ lớn bằng vật.

B. ảnh thật, có độ lớn nhỏ hơn vật.

C. ảnh ảo, có độ lớn bằng vật.

D. ảnh ảo, có độ lớn nhỏ hơn vật.

**Câu 10.** Trong pha của đèn pin có một bộ phận dùng để biến đổi chùm tia phân kì thành chùm tia song song. Theo em, đó là loại gương gì?

A. Gương phẳng.

B. Gương cầu lồi.

C. Gương cầu lõm.

D. Có thể là gương phẳng hoặc gương cầu lồi.

**Câu 11.** Gương cầu lõm có tác dụng biến đổi một chùm tia tới song song thành một chùm tia phản xạ

A. hội tụ.

B. phân kì.

C. song song.

D. tia sáng.

**Câu 12.** Trong ba loại gương (gương cầu lồi (1), gương phẳng(2), gương cầu lõm (3)), sắp xếp theo thứ tự tăng dần độ lớn ảnh ảo của cùng một vật

A. (2), (3), (1)

B. (1), (2), (3)

C. (2), (1), (3)

D. (3), (2), (1)

**Câu 13.** Vật phát ra âm trong các trường hợp nào dưới đây?

A. Khi kéo căng vật.

B. Khi uốn cong vật.

C. Khi nén vật.

D. Khi làm vật dao động.

**Câu 14.** Gió bão thổi qua khe cửa thì rít lên. Âm thanh phát ra do

A. các cánh cửa dao động khi gió thổi qua.

B. luồng khí thổi qua.

C. tòa nhà dao động.

D. cánh cửa và cả tòa nhà phát ra.

**Câu 15.** Khi nhạc sĩ chơi đàn ghita, tai nghe thấy tiếng nhạc. Vậy đâu là nguồn âm?

A. Tay bấm dây đàn

B. Tay gảy dây đàn

C. Hộp đàn

D. Dây đàn

**Câu 16.** Khi gõ vào mặt trống ta nghe được âm thanh phát ra. Vậy âm thanh đó phát ra từ đâu?

A. Từ dùi gõ.

B. Từ mặt trống.

C. Từ cả dùi gõ và mặt trống.

D. Từ các lớp không khí trên mặt trống.

**Câu 17.** Tai người có thể nghe được âm thanh với tần số trong khoảng

A. từ 0 Hz đến 20 Hz.

B. từ 20 Hz đến 40 Hz.

C. từ 20 Hz đến 20 000 Hz.

D. lớn hơn 20 000 Hz.

**Câu 18.** Độ cao của âm phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

A. Tần số dao động.

B. Biên độ dao động.

C. Thời gian dao động.

D. Tốc độ dao động.

**Câu 19.** Vật nào sau đây dao động với tần số lớn nhất?

A. Trong một giây, dây đàn thực hiện được 200 dao động.

B. Trong một phút, con lắc thực hiện được 3000 dao động

C. Trong 5 giây, mặt trống thực hiện được 500 dao động.

D. Trong 20 giây, dây chun thực hiện được 1200 dao động

**Câu 20.** Biên độ dao động của vật là

- A. số dao động vật thực hiện được trong 1 giây.
- B. khoảng cách lớn nhất giữa hai vị trí mà vật dao động thực hiện được.
- C. đại lượng đặc trưng cho mức độ cao, thấp của âm.
- D. độ lệch lớn nhất của vật dao động so với vị trí cân bằng.

**Câu 21.** Ngưỡng đau có thể làm tai đau nhức có giá trị nào sau đây?

- A. 130 dB.
- B. 100 dB.
- C. 80 dB.
- D. 70 dB.

**Câu 22.** Độ to của âm phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

- A. Tần số dao động.
- B. Biên độ dao động.
- C. Thời gian dao động.
- D. Tốc độ dao động.

**Câu 23.** Khi lặn xuống hồ, một người thợ lặn nghe được tiếng chuông sau 1/20 giây kể từ khi nó reo. Biết đồng hồ cũng được đặt chìm trong nước, hỏi khoảng cách giữa nó và người thợ lặn lúc này là bao nhiêu?

- A. 35 m.
- B. 17 m.
- C. 75 m.
- D. 305 m.

**Câu 24.** Trong môi trường nào mà cứ 2 giây thì âm thanh lan truyền được 3000 mét?

- A. Nước.
- B. Không khí.
- C. Thép.
- D. Nhôm.

**Câu 25.** Trong lớp học, học sinh nghe được tiếng thầy giảng thông qua môi trường truyền âm nào?

- A. Không khí.
- B. Chất rắn.
- C. Chất lỏng.
- D. Chân không.

**Câu 26.** Âm không thể truyền trong môi trường nào dưới đây?

- A. Chân không.
- B. Tường bê-tông.
- C. Nước biển.
- D. Tầng khí quyển bao quanh Trái Đất.

**Câu 27.** Những vật nào sau đây phản xạ tốt âm thanh?

- A. Bê-tông, gỗ, vải.
- B. Thép, vải, bông.
- C. Sắt, thép, đá.
- D. Lụa, nhung, gôm.

**Câu 28.** Những vật hấp thụ âm tốt là

- A. phản xạ âm tốt.
- B. phản xạ âm kém.
- C. có bề mặt nhẵn, cứng.
- D. có bề mặt hấp thụ tốt ánh sáng.

**Câu 29.** Trong phòng kín ta thường nghe âm thanh to hơn ngoài trời vì

- A. trong phòng kín thường có phản xạ âm, tai người nhận được nhiều âm phản xạ cùng một lúc sẽ nghe to hơn.
- B. phòng kín nên âm không thoát ra ngoài được.
- C. ngoài trời âm thanh dễ bị tiêu tán.
- D. phòng kín nên không có sức cản của không khí do đó dễ truyền đến tai người nghe hơn.

**Câu 30.** Một con tàu thám hiểm trên mặt biển phát ra siêu âm mất 4 giây sau mới nhận được siêu âm phản xạ. Hỏi độ sâu của đáy biển là bao nhiêu? Biết vận tốc truyền âm của nước biển là 1500m/s.

- A. 1500m.
- B. 3000m.
- C. 6000m.
- D. 750m.

**UBND QUẬN LONG BIÊN  
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN**

**ĐỀ 1**

**TIẾT 18 : KIỂM TRA CUỐI KỲ 1**  
**Môn: Vật lí 7 - Năm học: 2021 - 2022**  
*Thời gian làm bài: 45 phút*

**I. BIỂU ĐIỂM:** Mỗi câu đúng 1/3 điểm

**II. ĐÁP ÁN**

<b>1.B</b>	<b>2.C</b>	<b>3. B</b>	<b>4.A</b>	<b>5.B</b>	<b>6.C</b>	<b>7.B</b>	<b>8.D</b>	<b>9.D</b>	<b>10.C</b>
<b>11.A</b>	<b>12.B</b>	<b>13.D</b>	<b>14.B</b>	<b>15.D</b>	<b>16.B</b>	<b>17.C</b>	<b>18.A</b>	<b>19.A</b>	<b>20.D</b>
<b>21.A</b>	<b>22.B</b>	<b>23.C</b>	<b>24.A</b>	<b>25.A</b>	<b>26.A</b>	<b>27.C</b>	<b>28.B</b>	<b>29.A</b>	<b>30.B</b>

**BGH duyệt**

**Tổ, nhóm CM**

**GV ra đề**

Khúc Thị Thanh Hiền

Phạm Văn Quý

Nguyễn Thị Hà



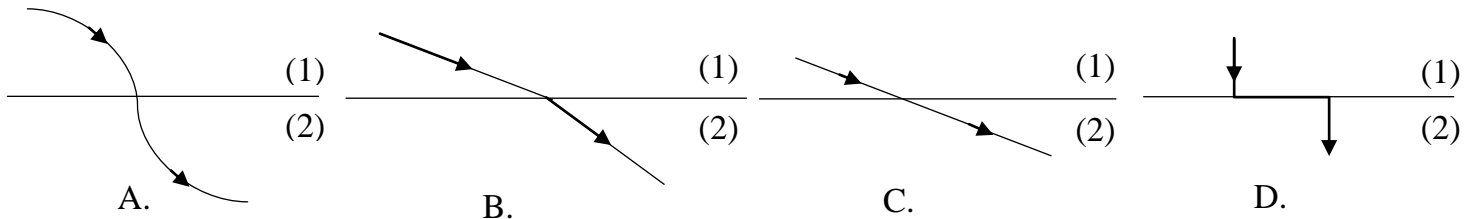
**Câu 9.** Vật nào sau đây là nguồn sáng?

- A . Quyển sách.      B . Mặt trời.      C . Bóng đèn bị đứt dây tóc.      D . Mặt trăng

**Câu 10.** Ảnh của một vật tạo bởi gương cầu lồi có tính chất sau

- A. ảnh thật, có độ lớn bằng vật.      B. ảnh thật, có độ lớn nhỏ hơn vật.  
C. ảnh ảo, có độ lớn bằng vật.      D. ảnh ảo, có độ lớn nhỏ hơn vật.

**Câu 11.** Hình nào vẽ đúng đường truyền của ánh sáng từ không khí (1) vào nước (2)?



**Câu 12.** Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng nhật thực?

- A. Mặt Trời ngừng phát ra ánh sáng.  
B. Mặt Trời bỗng nhiên biến mất.  
C. Mặt Trời bị Mặt Trăng che khuất nên ánh sáng Mặt Trời không đến được mặt đất.  
D. Người quan sát đứng ở nửa sau Trái Đất, không được Mặt Trời chiếu sáng.

**Câu 13.** Tia phản xạ nằm trong cùng mặt phẳng với ... và ... của gương tại điểm tới.

- A. tia tới, tia thẳng đứng      C. đường thẳng, tia tới  
B. tia tới, đường pháp tuyến      D. tia thẳng đứng, tia tới

**Câu 14.** Ngưỡng đau có thể làm tai đau nhức có giá trị nào sau đây?

- A. 130 dB.      B. 100 dB.      C. 80 dB.      D. 70 dB.

**Câu 15.** Một con tàu thám hiểm trên mặt biển phát ra siêu âm mất 4 giây sau mới nhận được siêu âm phản xạ. Hỏi độ sâu của đáy biển là bao nhiêu? Biết vận tốc truyền âm của nước biển là 1500m/s.

- A. 1500m.      B. 3000m.  
C. 6000m.      D. 750m.

**Câu 16.** Ở những chỗ đường gấp khúc có vật cản che khuất, người ta thường đặt một gương cầu lồi lớn. Gương đó giúp gì cho người lái xe?

- A. Giúp cho người bên kia đường thấy và tránh xe.  
B. Giúp cho tài xế ngồi trên xe quan sát các cảnh xung quanh dễ dàng hơn.  
C. Người lái xe nhìn thấy các xe cộ xung quanh.  
D. Người lái xe nhìn thấy trong gương cầu lồi xe cộ và người bị các vật cản ở bên kia đường che khuất tránh được tai nạn.

**Câu 17.** Trường hợp nào dưới đây ta **không nhận biết** được một miếng bìa màu đen?

- A. Dán miếng bìa đen lên một tờ giấy xanh rồi đặt dưới ánh đèn điện.  
B. Dán miếng bìa đen lên trên một tờ giấy trắng rồi đặt trong phòng tối.  
C. Đặt miếng bìa đen trước một ngọn nến đang cháy.  
D. Đặt miếng bìa đen ngoài trời nắng.

**Câu 18.** Gương cầu lõm có tác dụng biến đổi một chùm tia tới song song thành một chùm tia phản xạ



A. hội tụ.

B. phân kì.

C. song song.

D. tia sáng.

**Câu 19.** Vật phát ra âm trong các trường hợp nào dưới đây?

A. Khi kéo căng vật.

B. Khi uốn cong vật.

C. Khi nén vật.

D. Khi làm vật dao động.

**Câu 20.** Khi gõ vào mặt trống ta nghe được âm thanh phát ra. Vậy âm thanh đó phát ra từ đâu?

A. Từ dùi gõ.

B. Từ mặt trống.

C. Từ cả dùi gõ và mặt trống.

D. Từ các lớp không khí trên mặt trống.

**Câu 21.** Trong lớp học, học sinh nghe được tiếng thầy giảng thông qua môi trường truyền âm nào?

A. Không khí.

B. Chất rắn.

C. Chất lỏng.

D. Chân không.

**Câu 22.** Những vật nào sau đây phản xạ tốt âm thanh?

A. Bê-tông, gỗ, vải.

B. Thép, vải, bông.

C. Sắt, thép, đá.

D. Lụa, nhung, gôm.

**Câu 23.** Gió bão thổi qua khe cửa thì rít lên. Âm thanh phát ra do

A. các cánh cửa dao động khi gió thổi qua.

B. luồng khí thổi qua.

C. tòa nhà dao động.

D. cánh cửa và cả tòa nhà phát ra.

**Câu 24.** Tai người có thể nghe được âm thanh với tần số trong khoảng

A. từ 0 Hz đến 20 Hz.

B. từ 20 Hz đến 40 Hz.

C. từ 20 Hz đến 20 000 Hz.

D. lớn hơn 20 000 Hz.

**Câu 25.** Trong môi trường nào mà cứ 2 giây thì âm thanh lan truyền được 3000 mét?

A. Nước.

B. Không khí.

C. Thép.

D. Nhôm.

**Câu 26.** Những vật hấp thụ âm tốt là

A. phản xạ âm tốt.

B. phản xạ âm kém.

C. có bề mặt nhẵn, cứng.

D. có bề mặt hấp thụ tốt ánh sáng.

**Câu 27.** Độ cao của âm phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

A. Tần số dao động.

B. Biên độ dao động.

C. Thời gian dao động.

D. Tốc độ dao động.

**Câu 28.** Khi nhạc sĩ chơi đàn ghita, tai nghe thấy tiếng nhạc. Vậy đâu là nguồn âm?

A. Tay bấm dây đàn

B. Tay gảy dây đàn

C. Hộp đàn

D. Dây đàn

**Câu 29.** Biên độ dao động của vật là

A. số dao động vật thực hiện được trong 1 giây.

B. khoảng cách lớn nhất giữa hai vị trí mà vật dao động thực hiện được.

C. đại lượng đặc trưng cho mức độ cao, thấp của âm.

D. độ lệch lớn nhất của vật dao động so với vị trí cân bằng.

**Câu 30.** Độ to của âm phụ thuộc vào yếu tố nào sau đây?

A. Tần số dao động.

B. Biên độ dao động.

C. Thời gian dao động.

D. Tốc độ dao động.

**UBND QUẬN LONG BIÊN  
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN**

**ĐỀ 2**

**TIẾT 18 : KIỂM TRA CUỐI KỲ 1**  
**Môn: Vật lí 7 - Năm học: 2021 - 2022**  
*Thời gian làm bài: 45 phút*

**I. BIỂU ĐIỂM:** Mỗi câu đúng 1/3 điểm

**II. ĐÁP ÁN**

<b>1.C</b>	<b>2.A</b>	<b>3.B</b>	<b>4.C</b>	<b>5.A</b>	<b>6.C</b>	<b>7.A</b>	<b>8.A</b>	<b>9.B</b>	<b>10.D</b>
<b>11.B</b>	<b>12.C</b>	<b>13.B</b>	<b>14.A</b>	<b>15.B</b>	<b>16.D</b>	<b>17.B</b>	<b>18.A</b>	<b>19.D</b>	<b>20.B</b>
<b>21.A</b>	<b>22.C</b>	<b>23.B</b>	<b>24.C</b>	<b>25.A</b>	<b>26.B</b>	<b>27.A</b>	<b>28.D</b>	<b>29.D</b>	<b>30.B</b>

**BGH duyệt**

**Tổ, nhóm CM**

**GV ra đề**

Khúc Thị Thanh Hiền

Phạm Văn Quý

Nguyễn Thị Hà